TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/KDTM-ST
Ngày: 06-4-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Ông Châu Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở: Số B, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. (nay là phường G, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Việt A. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh V1. (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Đ. Chức vụ: Trưởng Phòng Khách hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng N – Chi nhánh V1; nơi làm việc: Số B đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T2; trụ sở: Số F, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số G, tổ A, ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Võ Phương D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện tại: Số F, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 2001; nơi cư trú: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp). Địa chỉ hiện tại: Số F, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

3. Anh Trần Thế H1, sinh năm 1993. (vắng mặt).

4. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1959. (vắng mặt).

5. Cháu Trần Xuân H2, sinh năm 2021. (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Xuân H2*:* Anh Trần Thế H1. (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số C, đường P, khóm A, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2025, ngày 18/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện nguyên đơn Ngân hàng N *trình bày:*

Ngân hàng N (gọi tắt là ngân hàng A1) cho Công ty TNHH T2 (gọi tắt là công ty T2) vay số tiền 49.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7300-LAV-202301454 ngày 14/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 04/5/2024, thời hạn: theo từng giấy nhận nợ, mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, lãi suất cho vay: tại thời điểm cho vay là 8%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm/số lãi trong hạn chậm trả theo phân kỳ trả nợ. Để thực hiện thỏa thuận tín dụng và hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T2 bằng các Giấy nhận nợ ngày 11/4/2024, ngày 12/4/2024, ngày 13/5/2024, ngày 26/6/2024, ngày 27/6/2024, ngày 16/7/2024, 17/7/2024, ngày 23/8/2024, tổng số tiền là 49.000.0000.000 đồng.

Đảm bảo cho khoản vay, Công ty T2 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 49, diện tích 772,6m^2 tọa lạc tại xã M, thị xã B (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh Võ Phương D đứng tên trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 12/01/2024. Đến ngày 12/01/2024 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B công ty thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng N – Chi nhánh V1; thửa 94, tờ bản đồ

số 49, diện tích 1.617,9m^2, tọa lạc tại xã M, thị xã B (nay là phường C) tỉnh Vĩnh Long do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã B anh Võ Phương D đứng tên trang 3 giấy chứng nhận vào ngày 18/6/2024, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 20/6/2024. Đến ngày 24/6/2024 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B công ty thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng N – Chi nhánh V1; thửa 139, tờ bản đồ số 13, diện tích 482,5m^2 và căn nhà ở riêng lẽ, diện tích xây dựng 68,4m^2, diện tích sàn 68,4m^2 gắn liền với đất tọa lạc tại Phường I, (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V xác nhận anh Võ Phương D đứng tên trang 4 giấy chứng nhận vào ngày 23/5/2023, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 24/5/2024. Đến ngày 24/5/2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận công ty thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng N – Chi nhánh V1.

Đồng thời, Công ty T2 cũng đã thế chấp xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Ford, số máy: P02SRPT55298, số khung RL2UMFC50PTR55298, màu sơn: ghi, biển số đăng ký: 64C-108.82, năm sản xuất 2023, nước sản xuất: Việt Nam do công ty TNHH T2 đứng tên sở hữu, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 03/11/2023. Đến ngày 03/11/2023, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm. Đối với tài sản này, Ngân hàng đã xử lý tài sản xe ô tô vào tháng 6/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã ra Thông báo chuyển toàn bộ khoản vay của các Giấy nhận nợ nêu trên sang nợ quá hạn đến ngày đáo hạn (kết thúc thời hạn cho vay) của Giấy nhận nợ nhưng Công ty T2 vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 18/7/2025, Công ty T2 còn nợ Ngân hàng A1 số tiền 33.795.512.356 đồng trong đó vốn gốc 30.408.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.599.806.137 đồng, lãi quá hạn 718.041.534 đồng, phạt chậm trả lãi 69.664.684 đồng.

Nay Ngân hàng A1 yêu cầu Công ty T2 trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu là 36.063.165.878 đồng tính đến ngày 27/02/2026 (trong đó vốn gốc 30.408.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.063.330.082 đồng, lãi quá hạn 1.449.828.055 đồng, lãi chậm trả 142.007.741 đồng). Buộc Công ty T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy nhận nợ của Ngân hàng A1 kể từ ngày 28/02/2026 đến ngày trả hết nợ. Nếu Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 49, diện tích 772,6m^2 tọa lạc tại xã M, thị xã B (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh Võ Phương D đứng tên

trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 94, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.617,9m^2, tọa lạc tại xã M, thị xã B (nay là phường C) tỉnh Vĩnh Long do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã B anh Võ Phương D đứng tên trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 139, tờ bản đồ số 13, diện tích 482,5m^2 và căn nhà ở riêng lẽ, diện tích xây dựng 68,4m^2, diện tích sàn 68,4m^2 gắn liền với đất tọa lạc tại Phường I, (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V xác nhận anh Võ Phương D đứng tên trang 4 giấy chứng nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Phương D *trình bày:*

Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp Công ty T2 không tất toán nghĩa vụ nợ vay cho ngân hàng thì anh đồng ý giao các tài sản đã thế chấp để Ngân hàng xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu T, anh Trần Thế H1, bà Lê Thị T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Ngân hàng A1 yêu cầu Công ty T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A1 tính đến ngày 06/4/2026 số tiền tổng cộng là 36.447.857.101 đồng, trong đó nợ gốc 30.408.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.311.606.466 đồng, lãi quá hạn 1.573.970.411 đồng, phạt chậm trả lãi 154.280.224 đồng. Buộc Công ty T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy nhận nợ của Ngân hàng A1 kể từ ngày 07/4/2026 đến ngày trả hết nợ. Nếu Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 7300LCL202300428 ngày 24/5/2023, số 7300LCL202300034 ngày 12/01/2024, số 7300LCL202300396 ngày 20/6/2024 được Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Bị đơn công ty T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Phương D, chị Trần Thị Thu T, anh Trần Thế H1, bà Lê Thị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo qui định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A1 tính đến ngày 06/4/2026 số tiền tổng cộng là 36.447.857.101 đồng, trong đó nợ gốc 30.408.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.311.606.466 đồng, lãi quá hạn 1.573.970.411 đồng, phạt chậm trả lãi 154.280.224 đồng. Buộc Công ty T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy nhận nợ của ngân hàng A1 kể từ ngày 07/4/2026 đến ngày trả hết nợ. Nếu Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300LCL202300428 ngày 24/5/2023; số 7300LCL202300034 ngày 12/01/2024; số 7300LCL202300396 ngày 20/6/2024 được Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty T2 phải chịu 2.000.000 đồng.

Về án phí: Công ty T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn người đại diện hợp pháp của Công ty T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Phương D, chị Trần Thị Thu T, anh Trần Thế H1, bà Lê Thị T1 có được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A1 khởi kiện yêu cầu Công ty T2 trả nợ gốc lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn công ty T2 có trụ sở trên địa bàn phường P, tỉnh Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A1 số tiền tính đến ngày 06/4/2026 số tiền tổng cộng là 36.447.857.101 đồng, trong đó nợ gốc 30.408.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.311.606.466 đồng, lãi quá hạn 1.573.970.411 đồng, phạt chậm trả lãi 154.280.224 đồng.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 14/12/2023, Công ty T2 với Ngân hàng A1 ký kết hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-202301454 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 7300-LAV-202301454/PL ngày 04/5/2024 để vay số tiền 49.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T2 bằng các Giấy nhận nợ ngày 11/4/2024, ngày 12/4/2024, ngày 13/5/2024, ngày 26/6/2024, ngày 27/6/2024, ngày 16/7/2024, 17/7/2024, ngày 23/8/2024, tổng số tiền giải ngân là 49.000.0000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T2 đã thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc 18.592.000.000 đồng và chưa thanh toán 30.408.000.000 đồng là vi phạm Điều 2, Điều 6, Điều 10 của hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi: Đến ngày 06/4/2026, Ngân hàng A1 xác định Công ty T2 còn nợ lãi trong hạn 4.311.606.466 đồng, lãi quá hạn 1.573.970.411 đồng, phạt chậm trả lãi 154.280.224 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất quy định tại Điều 2, Điều 4, Điều 6 của hợp đồng tín dụng số: 7300-LAV-202301454 ngày 14/12/2023, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản trong trường hợp Công ty T2 không trả được nợ, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho hợp đồng vay Công ty T2 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 49, diện tích 772,6m^2 tọa lạc tại xã M, thị xã B (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long do anh Võ Phương D đứng tên trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 12/01/2024. Đến ngày 12/01/2024 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B Công ty thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng N – Chi nhánh V1; thửa 94, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.617,9m^2, tọa lạc tại xã M, thị xã B (nay là phường C) tỉnh Vĩnh Long do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất

đai thị xã B anh Võ Phương D đứng tên trang 3 giấy chứng nhận vào ngày 18/6/2024, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 20/6/2024. Đến ngày 24/6/2024 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B công ty thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng N – Chi nhánh V1; thửa 139, tờ bản đồ số 13, diện tích 482,5m^2 và căn nhà ở riêng lẽ, diện tích xây dựng 68,4m^2, diện tích sàn 68,4m^2 gắn liền với đất tọa lạc tại Phường I, (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V xác nhận anh Võ Phương D đứng tên trang 4 giấy chứng nhận vào ngày 23/5/2023, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C vào ngày 24/5/2024. Đến ngày 24/5/2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V xác nhận Công ty thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng N – Chi nhánh V1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Phương D thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp Công ty T2 không tất toán nghĩa vụ nợ vay cho Ngân hàng thì anh đồng ý giao các tài sản đã thế chấp để Ngân hàng xử lý theo quy định pháp luật. Xét thủ tục thế chấp tài sản được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng A1 yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ nếu Công ty T2 không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu này được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Công ty T2 chịu 2.000.000 đồng. Do Ngân hàng A1 đã tạm ứng nên Công ty T2 phải trả cho Ngân hàng A1 số tiền 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn Công ty T2 phải chịu 144.447.900 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng A1 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 70.897756 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 299, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 101, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng N số tiền tổng cộng là số tiền tổng cộng là 36.447.857.101 đồng (ba mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn một trăm lẻ một đồng), trong đó nợ gốc 30.408.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.311.606.466 đồng, lãi quá hạn 1.573.970.411 đồng, phạt chậm trả lãi 154.280.224 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/4/2026) bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 7300LCL202300428 ngày 24/5/2023; số 7300LCL202300034 ngày 12/01/2024; số 7300LCL202300396 ngày 20/6/2024 được ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho Ngân hàng N số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về án phí:

Công ty TNHH T2 phải chịu 144.447.900 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 70.897.756 đồng (bảy mươi triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0004945 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TVL;
- VKSND KV1 - VL;
- Phòng THADS KV1;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Châu